

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC 4 TẠI CHỖ
PCTT&TKCN NĂM 2019 HUYỆN KIM BẢNG**

Kim Bảng, tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác 4 tại chỗ PCTT&TKCN năm 2019

Thực hiện kế hoạch số 93/KH-UBND, ngày 06/5/2019 của UBND huyện Kim Bảng về việc kiểm tra công tác chuẩn bị 4 tại chỗ PCTT&TKCN năm 2019, căn cứ biên bản làm việc của 18 đoàn kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công tác 4 tại chỗ PCTT&TKCN năm 2019 các xã, thị trấn. UBND huyện báo cáo kết quả kiểm tra như sau:

I. Kết quả kiểm tra

1. Chỉ huy tại chỗ

- Các xã, thị trấn đã có quyết định thành lập BCH - PCTT&TKCN đi vào hoạt động từ 01/5-30/11/2019 và phân công trách nhiệm từng thành viên trong Ban chỉ huy PCTT&TKCN.

- Công tác trực ban PCTT&TKCN đã được triển khai, có nội quy trực, lịch trực, sổ trực; ghi chép nội dung các ca trực tương đối đầy đủ.

2. Lực lượng tại chỗ

- Lực lượng tuần tra canh gác (TTCG) hoạt động tại địa bàn xã, thị trấn. Qua kiểm tra, các địa phương đã có danh sách, địa chỉ cụ thể, số lượng 540 người đạt 100% KH.

- Lực lượng xung kích tập trung (XKTT) là lực lượng cơ động sẵn sàng nhận nhiệm vụ PCLB&TKCN khi có sự cố xảy ra. Các xã, thị trấn đã có danh sách với thành phần nòng cốt là công an viên, dân quân tự vệ, đoàn viên thanh niên thường xuyên có mặt trên địa bàn, số lượng 960 người, đạt 114,3% KH.

3. Dụng cụ, vật tư, phương tiện tại chỗ

+ Vật tư: Bao tải dự trữ: 43.400 cái đạt 106,90% KH; phen tre: 230 cái đạt 100,0 %; cọc tre: 9.000,0 cọc đạt 100 % KH; đá 1x2: 70 m³ đạt 116,67 %KH, cát vàng: 70 m³ đạt 116,67 % KH; rom: 5.120 kg đạt 94,81% KH; đèn ác quy: 97 cái đạt 100,0% KH; thuốc: 270 cái đạt 100,0% KH; dầu thấp sáng: 620kg đạt 114,81 %KH.

+ Dụng cụ: Mai, kéo: 212 cái đạt 98,60% KH; cuốc: 235 cái đạt 102,17% KH; xẻng: 235 cái đạt 102,17% KH; quang gánh 230 đôi đạt 100,0% KH; dao: 146 cái đạt 100,7 %KH; vò: 147 cái đạt 101,38% KH.

+ Phương tiện: Ô tô 48 cái đạt 87,27% KH; thuyền: 50 cái đạt 111,11 % KH

4. Hậu cần tại chỗ

Cơ bản các xã, thị trấn đã chuẩn bị từ 20 - 30 triệu đồng tại kho bạc nhà nước; hoặc có phương án hậu cần phù hợp tình hình địa phương, khi có tình huống sự cố bất ngờ xảy ra.

5. Về đất dự trữ

Các xã, thị trấn ven đê tả Đáy, đê hữu sông Nhuệ đã thực hiện đầy đủ việc lấy đất dự phòng cho các công trọng yếu, đồng thời quy hoạch diện tích khoanh vùng 1.000m² có vị trí thuận lợi cho vận chuyển, đáp ứng yêu cầu xử lý khẩn cấp trong PCTT (*đã có văn bản làm việc với chủ sử dụng đất*).

6. Phát quang, giải toả vi phạm công trình PCTT- TKCN

Các xã, thị trấn đã triển khai công tác giải toả, vớt bèo rác và các vật nổi trên hệ thống kênh mương, phát quang đê điều.

II. Tồn tại

- Vật tư, dụng cụ, phương tiện còn thiếu so Kế hoạch: Liên Sơn thiếu 300 kg rơm; Thi Sơn thiếu 10 ô tô và 06 mai kéo. Xã Nhật Tân một số dụng cụ, vật tư (*bao tải, vỏ, mai...*) chất lượng không đảm bảo theo yêu cầu.

- Hậu cần tại chỗ (*tiền mặt*) theo Kế hoạch giao mỗi xã, thị trấn dự trù kinh phí cho phòng chống thiên tai từ 20,0 triệu đồng trở lên. Các xã, thị trấn dự phòng kinh phí không đảm bảo theo Kế hoạch giao: Thi Sơn, Tân Sơn, TT.Quế, Nhật Tân, Đồng Hóa, Lê Hồ, Liên Sơn.

(*Có biểu tổng hợp chi tiết kết quả thực hiện công tác 4 tại chỗ kèm theo*)

- Giải toả kênh mương: Vẫn còn tình trạng rơm, rác, bèo, cỏ trên kênh gây ách tắc dòng chảy ở một số kênh vẫn chưa được giải toả kênh A3-2-11(*ngầm Dương Cương*). Trên kênh I3-2-3 lượng rác trong lòng kênh và trước cửa lưới chắn rác tại các xã Đại Cương, Nhật Tân chưa thường xuyên tổ chức giải toả theo quy định. Kênh I3-2-5 nhân dân xã Tân Sơn vẫn còn vớt rác thải ra lòng kênh.

- Phát quang, giải toả đê điều: Trên tuyến đê tả Đáy; đê tả, hữu sông Nhuệ các xã, thị trấn phát quang nhưng chưa triệt để (*Thị Trấn Quế, Tân Sơn, Nhật Tân, Hoàng Tây*).

III. Đề nghị của xã, thị trấn

1. Đối với UBND tỉnh, Sở NN&PTNT

- UBND tỉnh sớm hỗ trợ kinh phí do thiên tai gây ra đối với diện tích nuôi trồng thủy sản, gia súc, gia cầm bị ảnh do thiên tai gây ra năm 2017.

- Xây dựng lại điểm canh đê số 01 do bị xuống cấp, đổ sập (*xã Trượng Lĩnh*).

- Chỉ đạo Doanh nghiệp Xuân Trường, đơn vị thi công tuyến đường T3 đã làm ảnh hưởng đến các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng, sớm khẩn trương thi công hoàn trả lại các công trình để đảm bảo sản xuất, giao thông và phòng chống thiên tai tại các xã: Hoàng Tây, Nhật Tân, Đồng Hóa, Ngọc Sơn, Thụy Lôi.

2. Đối với UBND huyện

- Yêu cầu Ban quản lý dự án QL21B khi thi công, công trình không làm ảnh hưởng đến công tác tưới, tiêu.

- Chỉ đạo xã Thanh Sơn khơi thông dòng chảy thoát lũ từ cống Đồng Hán dọc sông Ngũ cổ đến đập tràn Lê Chân (*đặc biệt chú trọng là cống Đồng Hán, các bờ ngăn dọc sông Ngũ Cổ mà các hộ đang nhận thầu khoán*), để tiêu thoát nước núi cho khu vực thôn Bút Phong xã Liên Sơn.

- Hỗ trợ kinh phí đắp tôn cao, áp trúc đê bồi thôn Thụy Xuyên (xã Ngọc Sơn); nâng cấp tuyến Bồi đường Chiêm thôn Đồng Sơn, Đường Bí, Cửa Hang thôn Do Lễ (xã Liên Sơn); có biện pháp xử lý đập Hang Sóng xã Liên Sơn.

- Tu sửa điểm canh đê cạnh đường QL38 cũ: Nền nhà sụt lún, đường vào bị úng ngập. Sửa chữa cửa sỏ hư hỏng điểm canh đê cạnh nhà bà vệ (xã Nhật Tựu).

- Hỗ trợ lực lượng, phương tiện, vật tư khi thiên tai xảy ra vượt quá khả năng của địa phương (TT.Ba Sao). Hỗ trợ kinh phí, vật tư, các biện pháp xử lý nguồn nước cho các đơn vị bị ảnh hưởng bởi lũ lụt (xã Tân Sơn).

3. Xí nghiệp thủy nông Kim Bảng

Chỉ đạo các cụm thủy nông kiểm tra toàn bộ hệ thống công trình thủy lợi hiện đang quản lý, đề xuất cho xử lý ngay hoặc đưa vào Kế hoạch bổ xung năm 2019; Kế hoạch năm 2020 đối với các ý kiến của các xã, thị trấn, cụ thể:

- Nạo vét kênh tiêu A3-2-11; Tu bổ bờ kênh I3-2-3 do nhiều đoạn sụt lún; Tôn cao, áp trúc kênh tưới I3-2 đoạn ao cá nhà ông lập L=10m bờ thấp (xã Đại Cường).

- Giải tỏa kênh PK23; Sửa lại cống PK8 do tay quay không lên xuống được (xã Đồng Hóa). Khơi thông dòng chảy kênh PK 2-3-6 thường xuyên bị ngập úng khoảng 20ha lúa xã Thụy Lôi.

IV. Nhiệm vụ trong thời gian tới

1. Đối với Phòng NN&PTNT

- Xem xét ý kiến đề nghị của các xã, thị trấn và tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo, giải quyết kịp thời, hiệu quả, chính xác các ý kiến của địa phương, báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện; thời gian hoàn thành tháng 6 năm 2019.

- Theo dõi, đôn đốc các xã, thị trấn thực hiện PCTT-TKCN (công tác 4 tạo chỗ) khắc phục tồn tại và thực hiện nghiêm chế độ trực ban PCTT-TKCN theo quy định.

2. Hạt quản lý đê điều huyện

- Báo cáo Chi cục Thủy lợi Sở NN&PTNT nghiên cứu, xem xét cho xây dựng lại điểm canh đê số 1 (xã Tượng Lĩnh), để đảm bảo công tác phòng, chống thiên tai.

- Đôn đốc, kiểm tra công tác phát quang, giải tỏa vi phạm đê điều; phối hợp UBND các xã, thị trấn xử lý các vi phạm tồn đọng, ngăn chặn kịp thời các vi phạm phát sinh, thực hiện nghiêm Kế hoạch giải tỏa số 107/KH-UBND, ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện.

3. Xí nghiệp thủy nông Kim Bảng

- Chỉ đạo, kiểm tra, xem xét đề nghị của các xã, thị trấn thông qua báo cáo kiểm tra các cụm; căn cứ vào mức độ hư hỏng của công trình, hạng mục công trình, nguồn kinh phí tu bổ để thực hiện việc tu bổ, sửa chữa.

- Triển khai ngay việc giải tỏa các vi phạm công trình thủy lợi còn tồn đọng theo Kế hoạch số 107/ KH-UBND, ngày 31 tháng 5 năm 2019 của UBND

huyện, đồng thời phát hiện và phối hợp với chính quyền địa phương xử lý dứt điểm các vi phạm mới phát sinh.

4. Đối với các xã, thị trấn

- Tiếp tục công tác tuyên truyền, cảnh giác, tránh tư tưởng chủ quan, lơ là; thường xuyên kiểm tra công trình phát, hiện sớm các sự cố.

- Tu bổ, sửa chữa những công trình, hạng mục công trình không đảm bảo tưới, tiêu và PCTT theo phân cấp quản lý, **thời gian xong trước 30/6/2019.**

- Rà soát, bổ sung ngay các chỉ tiêu 4 tại chỗ còn thiếu để đảm bảo chủ động trong công tác PCTT&TKCN năm 2019. Các xã còn thiếu vật tư, dụng cụ, hậu cần, chất lượng không đảm bảo: Liên Sơn, Thi Sơn, Nhật Tân, Tân Sơn, T.T.Quế, Đồng Hóa, Lê Hồ, khẩn trương hoàn thành **xong trước ngày 15/6/2019** báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện về UBND huyện (qua phòng NN&PTNT xong trước ngày 17 tháng 6 năm 2019).

- Tổ chức triển khai ngay việc giải tỏa, phát quang hệ thống kênh mương, đê điều xong trước 30/6/2019; đồng thời triển khai thực hiện Kế hoạch giải tỏa số 107/KH-UBND, ngày 31 tháng 5 năm 2019 của UBND huyện đảm bảo chất lượng, tiến độ theo quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra công tác 4 tại chỗ PCTT&TKCN năm 2019. Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Thủ trưởng các cơ quan: Phòng Nông nghiệp&PTNT, Hạt quản lý đê điều, Xí nghiệp thủy nông; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo vào sáng thứ 3 hàng tuần về UBND huyện (qua phòng NN&PTNT) trong thời gian quy định hoàn tất các nhiệm vụ ./.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT tỉnh Hà Nam(b/c);
- TTHU, HUBND huyện (b/c);
- Lãnh đạo UBND huyện (c/đ);
- Ủy viên BCH - PCTT phụ trách các xã, thị trấn;
- Phòng NN&PTNT, Hạt QLĐĐ, Xí nghiệp TN Kim Bảng (T/h);
- UBND các xã, thị trấn (T/h);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Hiệp

Biểu 1: KẾT QUẢ KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ PHỤC VỤ CÔNG TÁC PCTT - TKCN NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số ²²⁴...../BC-UBND ngày ¹⁰ tháng 6 năm 2019 của UBND huyện)



Stt	Đơn vị	Phương tiện (Cái)				Vật tư																	
		Ô tô (Cái)		Thuyền gỗ (Cái)		Bao tải (Cái)		Phên tre (Cái)		Cọc tre loại 2,5 m/cọc (cái)		Đá 1,2 m ³		Cát vàng (m ³)		Rom (Kg)		Đèn ác quy (Cái)		Đuốc (Cái)		Dầu (Kg)	
		TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH
1	Tượng Lĩnh	2	2	5	5	2.100	2.100	30	30	500	500	5	5	5	5	300	300	10	10	10	10	50	50
2	Tân Sơn	2	2	5	5	3.400	3.400	30	30	500	500	5	5	5	5	300	300	10	10	10	10	50	50
3	Thụy Lôi	2	2	5	5	1.700	1.700	30	30	500	500	5	5	5	5	300	300	10	10	10	10	50	50
4	Ngọc Sơn	2	2			1.700	1.700	30	30	500	500	5	5	5	5	300	300	10	10	10	10	50	50
5	Thị Trấn Quế	2	2	5	5	1.700	1.700	30	30	500	500	5	5	5	5	300	300	10	10	10	10	50	50
6	Nguyễn Úy	2	2			2.500	2.500			500	500					300	300			10	10	20	20
7	Lê Hồ	2	2			3.500	3.200			500	500					320	300			20	20	20	20
8	Đại Cương	2	2			2.200	2.200			500	500	5	5	5	5	300	300	3	3	10	10	20	20
9	Đồng Hóa	2	2	5	5	3.400	3.400			500	500	5	5	5	5	300	300	10	10	20	20	20	20
10	Nhật Trụ	2	2	5	5	1.600	1.600	30	30	500	500	5	5	5	5	300	300	3	3	10	10	20	20
11	Nhật Tân	2	2	5	5	3.700	3.700			500	500	5	5	5	5	300	300			10	10	20	20
12	Hoàng Tây	2	2	5	5	1.800	1.800	30	30	500	500	5	5	5	5	300	300	3	3	20	20	50	50
13	Văn Xá	2	2	5	5	2.600	2.600			500	500	5	5	5	5	300	300	3	3	20	20	20	20
14	T.T Ba Sao	7	5	2	0	800	800			500	500					300	300	5	5	20	20	20	20
15	Khả Phong	5	4			3.000	2.000			500	500					300	300	5	5	20	20	20	20
16	Liên Sơn	3	3	3		1.600	1.300	20	20	500	500	5	5	5	5	0	300	5	5	20	20	20	20
17	Thị Sơn	0	10			4.000	2.900			500	500	10		10		300	300	5	5	20	20	100	20
18	Thanh Sơn	7	7			2.100	2.000			500	500					300	300	5	5	20	20	20	20
19	Tổng cộng	48	55	50	45	43.400	40.600	230	230	9000	9000	70	60	70	60	5120	5400	97	97	270	270	620	540

Ghi chú : Phên tre kích thước 1,2 x 2,5m

Hậu cần tại chỗ (tiền mặt dự trữ) các xã, thị trấn còn thiếu : Thị Sơn, Tân Sơn(HTX quản lý), TT.Quế, Nhật Tân, Đồng Hóa, Lê Hồ, Liên Sơn

Biểu 2: KẾT QUẢ KIỂM TRA NHÂN LỰC VÀ DỤNG CỤ PCTT - TKCN 2019

(Kèm theo báo cáo số 24/BC-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện)



Stt	Đơn vị	Lực lượng XKTT (người)		Lực lượng tuần tra canh gác (Người)		Mai, kéo (Cái)		Cuốc (Cái)		Xẻng (Cái)		Quang gánh (đôi)		Dao (Cái)		Vô (Cái)	
		TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH
1	Tương Lĩnh	100	50	30	30	15	15	20	20	20	20	20	20	10	10	10	10
2	Tân Sơn	50	50	30	30	15	15	20	20	20	20	20	20	10	10	10	10
3	Thụy Lôi	50	50	30	30	15	15	20	20	20	20	20	20	10	10	10	10
4	Ngọc Sơn	50	50	30	30	15	15	20	20	20	20	20	20	10	10	10	10
5	Thị Trấn Quế	50	50	30	30	10	10	20	20	20	20	20	20	10	10	10	10
6	Nguyễn Úy	50	30	30	30	10	10	10	10	10	10	10	10	5	5	5	5
7	Lê Hồ	30	30	30	30	10	10	10	10	10	10	10	10	5	5	5	5
8	Đại Cường	30	30	30	30	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
9	Đồng Hóa	50	50	30	30	15	15	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
10	Nhật Tựu	50	50	30	30	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
11	Nhật Tân	50	50	30	30	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
12	Hoàng Tây	50	50	30	30	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
13	Văn Xá	50	50	30	30	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
14	T.T Ba Sao	50	50	30	30	12	12	10	10	10	10	10	10	5	5	5	5
15	Khả Phong	50	50	30	30	12	12	10	10	10	10	10	10	5	5	5	5
16	Liên Sơn	50	50	30	30	15	12	15	10	15	10	10	10	6	5	6	5
17	Thị Sơn	100	50	30	30	6	12	10	10	10	10	10	10	5	5	5	5
18	Thanh Sơn	50	50	30	30	12	12	10	10	10	10	10	10	5	5	6	5
19	Tổng cộng	960	840	540	540	212	215	235	230	235	230	230	230	146	145	147	145